**P****HỤ LỤC 03**

**Nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đăng kiểm,**

**lĩnh vực đường bộ và lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền**

**giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2017*

*của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**CÁC** **HỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

**1. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ ủy thác Sở GTVT quản lý.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính. Địa chỉ: Số: 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu;

- Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng);

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GTVT Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Áp dụng cho các trường hợp (là công trình thiết yếu), bao gồm:

+ Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh;

+ Công trình phục vụ quản lý, khai thác đường bộ;

+ Công trình viễn thông, điện lực, đường ống cấp, thoát nước, xăng, dầu, khí;

+ Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; công trình phải bố trí trên cùng một mặt bằng với công trình đường bộ để bảo đảm tính đồng bộ và tiết kiệm.

- Không thể xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Chủ công trình thiết yếu phải di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kinh phí liên quan.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

*Mẫu***:**

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/.............

..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI**

**BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng **(**…3…)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(…..2….) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (…6…) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (…7…).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);

- Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(…2…) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- ....................;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết./.

**2. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ ủy thác Sở GTVT quản lý**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh;

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình biển quảng cáo tạm thời (bản chính) theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công là 02 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình biển quảng cáo.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GTVT Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT

- Có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông (được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Phải bảo đảm khai thác an toàn, bền vững công trình đường bộ;

- Văn bản chấp thuận hoặc văn bản gia hạn chấp thuận của cơ quan quản lý đư­ờng bộ còn trong thời hạn.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:** - Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu:

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/............. ........., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (…3…)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (…5..);

(…..2….) đề nghị được cấp phép thi công (…6…) tại (…7…). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày …tháng … năm ... đến hết ngày …tháng … năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (…5…) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (…8…) (bản chính)..

+ (…9…)

(…2…) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(…2…) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(…2…) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (…10…) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (…2…) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

***Nơi nhận:***

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

- Như trên;

- ....................;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ **“**Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**3. Thỏa thuận thi công công trình đường bộ trên quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị Thỏa thuận thi công công trình (bản chính);

- Quyết định phê duyệt dự án;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GTVT Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản Thỏa thuận thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ; tư số 50/2015/TT-BGTVT.

- Dự án công trình đường bộ do Bộ GTVT hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam là chủ đầu tư.

- Có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông (được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**4. Chấp thuận** **thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối vào quốc lộ là đường từ cấp IV trở xuống ủy thác Sở GTVT quản lý.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao; trong đó, cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo (bản chính) theo mẫu;

- Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao chụp);

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ Giao thông vận tải chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GTVT Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đấu nối vào quốc lộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT:

- Nút giao nằm trong Quy hoạch điểm đấu nối vào quốc lộ (được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt) hoặc được Bộ GTVT chấp thuận đối với trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch điểm đấu nối được phê duyệt;

- Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản (nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao);

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

*Mẫu*:

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/.............

.........., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO**

**ĐƯỜNG NHÁNH ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Chấp thuận xây dựng **(**…3…)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(…..2….) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (…6…).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

*+ Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đấu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đấu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);*

*+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;*

*+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).*

(…2…) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để nút giao được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

**5. Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT:

- Hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao phải được phê duyệt theo ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ;

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

*Mẫu:*

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/.............

..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (…3…)

Kính gửi: ...........................................(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (…5..);

(…..2….) đề nghị được cấp phép thi công (…6…) tại (…7…). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày …tháng … năm ... đến hết ngày …tháng … năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (…5…) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (…8…) (bản chính)..

+ (…9…)

(…2…) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(…2…) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(…2…) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (…10…) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (…2…) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

***Nơi nhận:***

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA**

**NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

- Như trên;

- ....................;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ **“**Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**6. Cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ** **kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ** **ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh;

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công là 02 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GTVT Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT:

- Có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông (được cấp có thẩm quyền phê duyệt); Phải bảo đảm khai thác an toàn, bền vững công trình đường bộ;

- Văn bản chấp thuận hoặc văn bản gia hạn chấp thuận của cơ quan quản lý đư­ờng bộ còn trong thời hạn (18 tháng đối với văn bản chấp thuận, 12 tháng đối với văn bản gia hạn).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

*Mẫu:*

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/.............

..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (…3…)

Kính gửi: ...........................................(…4…)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (…5..);

(…..2….) đề nghị được cấp phép thi công (…6…) tại (…7…). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày …tháng … năm ... đến hết ngày …tháng … năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (…5…) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (…8…) (bản chính)..

+ (…9…)

(…2…) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(…2…) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(…2…) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (…10…) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (…2…) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

***Nơi nhận:***

- Như trên;

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

- ....................;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ **“**Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**7. Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu;

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở GTVT Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép thi công.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

- Dự án công trình đường bộ được Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét chấp thuận.

- Có văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; Có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông (được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

*Mẫu:*

# (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/.............

..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (…3…)

Kính gửi: ...........................................(…4…)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (…5..);

(…..2….) đề nghị được cấp phép thi công (…6…) tại (…7…). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày …tháng … năm ... đến hết ngày …tháng … năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (…5…) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (…8…) (bản chính)..

+ (…9…)

(…2…) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(…2…) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(…2…) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (…10…) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (…2…) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

***Nơi nhận:***

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

- Như trên;

- ....................;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ **“**Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**8. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải;

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

- Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ);

- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định tại Điều 13 và các điều kiện riêng đối với từng loại hình kinh doanh tai các Điều 15, 16, 17, 18 và 19 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu****:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KDVT:...................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…………/………… | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ CẤP  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT........................................................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:............................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................................

3. Địa chỉ trụ sở:......................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:............ do..........cấp ngày......... tháng......... năm............

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:....................................................................

7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-...................................................................................................................

-...................................................................................................................

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**9. Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Các nhân, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh kiểm tra, xác minh, cấp lại Giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh hết hạn, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng.

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**-** Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

1. Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đáp ứng các điều kiện chung theo quy định tại Điều 13 và các điều kiện riêng đối với từng loại hình kinh doanh tai các Điều 15, 16, 17, 18 và 19 của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu****:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị KDVT:...................** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…………/………… | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI  
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT........................................................

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:............................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................................

3. Địa chỉ trụ sở:......................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:............ do..........cấp ngày......... tháng......... năm............

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:....................................................................

7. Đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-...................................................................................................................

-...................................................................................................................

8. Lý do cấp lại: .................................................................................................................

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải** *(Ký tên, đóng dấu)* |

*=*

**10. Cấp phù hiệu xe nội bộ.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã nộp văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe nội bộ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (nơi đề nghị) qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ: - Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa bàn tỉnh Bắc: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe nội bộ.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (Hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**11. Cấp lại phù hiệu xe nội bộ.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã nộp văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe nội bộ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (nơi tiếp nhận hồ sơ) có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe nội bộ.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**12. Cấp phù hiệu xe trung chuyển.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã nộp văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe trung chuyển cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe trung chuyển .

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**13. Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

  Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng. Cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã nộp văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe trung chuyển đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bác Ninh.

b) Giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe trung chuyển .

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT; tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**14. Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

  Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải;

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; xe nội bộ; xe trung chuyển.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô sau khi đã đăng ký khai thác tuyến thành công; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng số chuyến xe chạy trên tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải: ...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*.........., ngày...... tháng...... năm.....*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP**

**PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh

1. Tên đơn vị vận tải: .....................................................................................................

2. Địa chỉ: ......................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax): ..................................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp..............................................................................(1).......................................

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:…………

Đề nghị được cấp: (2)..............................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải…) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**15. Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

  Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng. Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa bàn tỉnh Bắc Ninh: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải;

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô sau khi đã đăng ký khai thác tuyến thành công; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng số chuyến xe chạy trên tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải: ...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Số: .............. /..............** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*.........., ngày...... tháng...... năm.....*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP**

**PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi: ..........(Sở Giao thông vận tải) ...............

1. Tên đơn vị vận tải: ...................................................................................

2. Địa chỉ: ..............................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax): ...........................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp..............................................................................(1).......................................

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:…………

Đề nghị được cấp: (2)..............................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải…) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

**16. Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân, Đơn vị, Doanh nghiệp kinh doanh bến xe hàng nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi có bến xe hàng được đề nghị công bố tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 57 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

- Trường hợp bến xe không đáp ứng các tiêu chí yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng thì cơ quan kiểm tra phải ghi rõ nội dung không đáp ứng và thông báo bằng văn bản với đơn vị khai thác bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác theo mẫu;

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng.

- Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng theo quy định.

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra vào bến xe hàng của cơ quan có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định công bố.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Bến xe hàng phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Đơn vị tính** | **Yêu cầu** |
| 1 | Tổng diện tích (tối thiểu) | m2 | 2.000 |
| 2 | Diện tích kho hàng kín tối thiểu | m2 | Theo yêu cầu |
| 3 | Trang thiết bị bốc, xếp bằng cơ giới |  | Có |
| 4 | Diện tích đỗ xe (tối thiểu) | m2 | 800 |
| 5 | Văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ (tối thiểu) |  | 2 – 4 % Tổng diện tích bến |
| 6 | Đường xe ra, vào |  | Riêng biệt hoặc chung |
| 7 | Hệ thống thoát nước |  | Có hệ thống tiêu thoát nước bảo đảm không ứ đọng nước |
| 8 | Hệ thống cứu hoả |  | Theo quy định của cơ quan phòng cháy, chữa cháy |

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:...... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:........ /.......... | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA…….(tên bến xe hàng)……vào khai thác**

Kính gửi: Sở GTVT…….

1. Tên đơn vị:........................................................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.........................................................................

3. Trụ sở:...............................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):...........................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số.............. do............................cấp ngày........tháng........ năm...........

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số …/2014/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT…….kiểm tra, xác nhận và công bố đưa……(tên bến xe hàng)…… thuộc tỉnh:........................... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên bến xe:...........................................................................................................

- Địa chỉ:(1)............................................................................................................

- Tổng diện tích đất: (2)…………………………………………………………..

….(tên đơn vị)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu… | **Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.

(2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng

**17. Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấpbiển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (gửi kèm theo 01 bộ hồ sơ gồm: 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện theo quy, bảng kê theo mẫu; 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa tỉnh Bắc Ninh thì Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

- Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, Bảng kê theo mẫu;

-  02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải; ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký (đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính);

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch;

- Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch có giá trị theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép kinh doanh vận tải và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch;

- Bảng kê.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

**-** Xe ô tô vận tải khách du lịch phải bảo đảm nội thất và tiện nghi như sau:

+ Xe ô tô dưới 09 chỗ phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoáthiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe;

+ Xe ô tô từ 09 chỗ đến dưới 24 chỗ, ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này còn phải trang bị thêm: rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác;

+ Xe ô tô từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan), ngoài các quy định tại Điểm b Khoản này còn phải trang bị thêm micro, ti vi, nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch; có trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

+ Xe ô tô vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch.

- Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

+ Phải đáp ứng các quy định của pháp luật đối với lái xe và phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch;

+ Phải thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận tải khách du lịch phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch (trừ trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên).

- Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

+ Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định.

+ Có biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của khách du lịch trong quá trình vận chuyển; mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận chuyển.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

Mẫu:

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./…………….  *……,ngày…….tháng……..năm*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải …………………………………………………..

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:.......................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.............................................................................

Trụ sở:.................................................................................................................

Trang thông tin điện tử...........................................................................................

Tên đăng nhập ………………………………….. Mật khẩu truy cập....................

Số điện thoại: ………………………..Fax: …………………… Email.................

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...... do... .cấp ngày…../…../.....

Lĩnh vực kinh doanh:...............................................................................................

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..........................................  xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗngồi | Năm  SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

…..

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận: **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Lưu: VT.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./…………….  *……,ngày…….tháng……..năm…….*

**BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN**

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:...................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)..............................................................................

Trụ sở:.................................................................................................................

Số điện thoại: ………………………………… (Fax):...........................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại xe** | **Biểnsố** | **Màusơn** | **Tên hiệu xe** | **Số**  **khung** | **Số máy** | **Năm**  **SX** | **Thông tin và trang thiết bị** | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | |
| Dưới 9 chỗ | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Từ 9 đến dưới 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Trên 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

(1): Điều hòa nhiệt độ;

(2): Thùng chứa đồ uống;

(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;

(5): Bình chữa cháy;

(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

*Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.*

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Sở GTVT….;

- Sở VHTTDL(Sở Du lịch);

**18. Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch nộp hồ sơ đề nghị cấp lạibiển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản (gửi kèm theo 01 bộ hồ sơ gồm: 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện theo quy, bảng kê theo mẫu; 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh thì Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định) gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh để lấy ý kiến xác nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

- Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp lại biển hiệu xe vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, Bảng kê theo mẫu;

- 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải; ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký (đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính);

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp lại biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch;

- Bảng kê.

**10. Yêu cầu điều kiện TTHC:** Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

**-** Xe ô tô vận tải khách du lịch phải bảo đảm nội thất và tiện nghi như sau:

+ Xe ô tô dưới 09 chỗ phải có các trang thiết bị bao gồm: điều hòa nhiệt độ, thùng chứa đồ uống, dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng, bình chữa cháy, dụng cụ thoáthiểm, tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe;

+ Xe ô tô từ 09 chỗ đến dưới 24 chỗ, ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này còn phải trang bị thêm: rèm cửa chống nắng, bảng hướng dẫn an toàn, thùng đựng rác;

+ Xe ô tô từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan), ngoài các quy định tại Điểm b Khoản này còn phải trang bị thêm micro, ti vi, nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch; có trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

+ Xe ô tô vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm; xe ô tô chuyển đổi công năng không được hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch.

- Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe:

+ Phải đáp ứng các quy định của pháp luật đối với lái xe và phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch;

+ Phải thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Bộ Y tế.

+ Nhân viên phục vụ trên xe ô tô vận tải khách du lịch phải được tập huấn nghiệp vụ du lịch (trừ trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên).

- Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

+ Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, trong đó có loại hình kinh doanh vận tải khách du lịch theo quy định.

+ Có biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của khách du lịch trong quá trình vận chuyển; mua bảo hiểm hành khách cho khách du lịch theo phương tiện vận chuyển.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./…………….  *……,ngày…….tháng……..năm*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải …………………………………………………..

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:..........................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.................................................................................

Trụ sở:.......................................................................................................................

Trang thông tin điện tử............................................................................................

Tên đăng nhập ………………………………….. Mật khẩu truy cập....................

Số điện thoại: ……………………..Fax: …………………… Email..................

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...... do... .cấp ngày…../…../.....

Lĩnh vực kinh doanh:..............................................................................................

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..........................................  xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗngồi | Năm SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

…..

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận: **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

|  |
| --- |
|  |

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Lưu: VT.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./…………….  *……,ngày…….tháng……..năm…….*

**BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN**

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:........................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)...............................................................................

Trụ sở:..................................................................................................................

Số điện thoại: ………………………………… (Fax):...........................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại xe** | **Biểnsố** | **Màusơn** | **Tên hiệu xe** | **Số**  **khung** | **Số máy** | **Năm**  **SX** | **Thông tin và trang thiết bị** | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| Dưới 9 chỗ | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Từ 9 đến dưới 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Trên 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(1): Điều hòa nhiệt độ;

(2): Thùng chứa đồ uống;

(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;

(5): Bình chữa cháy;

(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

*Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.*

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Sở GTVT….;

- Sở VHTTDL(Sở Du lịch);

**19. Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trong thời gian sử dụng, nếu biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được. Cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc đăng ký trực tuyến qua địa chỉ website: http://qlvt.mt.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch;

- Thời hạn sử dụng biển hiệu cấp đổi tính theo thời hạn còn lại của biển hiệu đã bị mất hoặc hỏng.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số:……./…………….  *……,ngày…….tháng……..năm*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải …………………………………………

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:.......................................................

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...............................................................................

Trụ sở:...................................................................................................................

Trang thông tin điện tử............................................................................................

Tên đăng nhập ………………………………….. Mật khẩu truy cập...................

Số điện thoại: ………………………..Fax: …………………Email....................

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số.. do... .cấp ngày.../…../……….

Lĩnh vực kinh doanh:...............................................................................................

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..........................................  xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗngồi | Năm SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận: **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

|  |
| --- |
|  |

- Như trên; (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

- Lưu: VT.

**20. Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại không phải là Xe của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ; thuộc các cơ quan thuộc Chính phủ; Xe của các cơ quan ngoại giao, các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Hà Nội; Xe của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản.

**2. Cách thức thực hiện**: **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép liên vận qua lại biên giới Việt Nam - Campuchia theo mẫu;

- Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) ;

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (trừ xe do người ngoại quốc tự lái) (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia.

- Thời hạn của Giấy phép liên vận tối đa là 30 ngày.

**8. Phí, lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính**:

Giấy đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia.

**10.Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia đối với phương tiện phi thương mại;

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Tên đơn vị** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM – CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):...........................................................................................................

2. Địa chỉ : ........................................................................................................................................

3. Số điện thoại: .................................................... …..số Fax: ........................................................

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải  (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Cửa khẩu xuất - nhập |
|  | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | …...., ngày……tháng….năm……  **Đại diện đơn vị hoặc cá nhân**  (Ký tên, đóng dấu (nếu có)) |

**21. Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú** **tại Việt Nam.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Phương tiện phi thương mại Campuchia hết hạn giấy phép và có lý do chính đáng (như: thiên tai, tai nạn, hỏng hóc không sửa chữa kịp) thì nộp hồ sơ đề nghị gia hạn cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi phương tiện đang lưu trú tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh trả lời việc gia hạn. Trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện**: **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;

- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam (bản chính);

- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi phương tiện đang lưu trú;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi phương tiện đang lưu trú;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy phép liên vận được gia hạn.

-Thời hạn gia hạn: Được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn lưu trú.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính**:

- Đơn đề nghị gia hạn.

**10.Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia đối với phương tiện phi thương mại.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Campuchia Company/Individual name applying for extension of Cambodia - Viet Nam Cross-border Transport Permit **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CAMPUCHIA - VIỆT NAM  
APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM  
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi *(To)*: ……………………………………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)* .............................................

2. Địa chỉ: *(Address)* ..........................................................................................................

3. Số điện thoại: *(Tel No.)* …………………… Số Fax: *(Fax No.)*: ………………

Ngày cấp *(Date of issue)* ………………….. Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* …………………..

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ……………….. gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of …..…….. to extend the validity of Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*: ..........................................................................

- Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: …………….

Có giá trị đến: …………………………..

*Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:.... Date of issue …… Issuing Authority... Date of expiry ……..*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……… tháng ………. năm ……….  
*Date of entry into Viet Nam: …….. month ……… year ………….*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn Giấy phép liên vận: *......ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

*Extension for: ………….days, from date …… month….. year …… to date …… month ... year ….*

+ Gia hạn chuyến đi: ……….ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm …….

*Extension for Journey: ………... days, from date ... month ... year ... to date .....month... year...*

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*: ………………………

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents)*.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Campuchia và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol implementation of the Road Transport Agreement Cambodia and Viet Nam)*.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …., ngày *(date)* ….. tháng *(month)* ……. năm *(year)*.... Đại diện đơn vị (Representative of the Company) *Ký tên*/*Signature* *Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền (Driver, vehicle owner or authorized person).* |

**22. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ xe máy chuyên dùng di chuyển đến và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu).

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh kiểm tra xe máy chuyên dùng và cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Một trong các chứng từ sau:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng, theo mẫu (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng.

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) đã được cấp kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:** Thông tư số 188/2016/TT-BTC

Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:**

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng;

- Giấy bán, cho, tặng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:**

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có giấy uỷ quyền của của sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:...............

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...………………………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:………………

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........………………………

Địa chỉ thường trú:...……………………………...…………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:………………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...…………………………

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản xuất:…….……………………

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….……………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….…………………………

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn…………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….……

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng…………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..……............ Số CMND hoặc hộ chiếu:........…………

Ngày cấp:……………………… ..............Nơi cấp:...……...……….....………….

Địa chỉ thường trú:…………………….............................................…………………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có)………………………………........……………..

Địa chỉ thường trú……………………………Số CMND hoặc hộ chiếu……………

Ngày cấp………………………………….... Nơi cấp:………………...…………..

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng:………...................Màu sơn:…………………………….

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……… ………………Công suất:...…………………...…..

Nước sản xuất:……………………………….Năm sản xuất:……………………...

Số động cơ:...………………………………...Số khung………………….………….

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……..…….......Trọng lượng………………...….

Biển số đăng ký (nếu có):……………Ngày cấp……………Cơ quan cấp............…

Nơi cấp:……………………………………………………………………………

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà)……………

Địa chỉ thường trú:…………………………………………………………………….

Số CMND hoặc hộ chiếu số:.......................ngày cấp.................Nơi cấp......................

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

…., ngày…..tháng…….năm……

Xác nhận của chính quyền cấp xã Người bán, cho, tặng ký tên

nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú. (Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký*

*của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

**23. Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng** **một Sở Giao thông vận tải quản lý.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả; làm thủ tục sang tên chủ sở hữu cho chủ phương tiện. Trường hợp không chấp thuận sang tên phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không chấp thuận.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu(bản chính);

- Một trong các chứng từ xác định quyền sở hữu sau đây:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Trường hợp thiếu một trong những giấy tờ trong hồ sơ sang tên đăng ký thì phải nộp thêm tờ cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:**

Theo Thông tư số 188/2016/TT-BTC ; Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:**

**-** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ cam đoan về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT; tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:...............

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:……………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:………

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........…………………

Địa chỉ thường trú:...……………………………...………………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:……………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...……………

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản xuất:…….……

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….…………

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….……………………………..

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn…………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...………

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….……

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng…………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**24. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy** **chuyên dùng bị mất.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ phương tiện.

**2. Cách thức thực hiện:**  **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số cho chủ sở hữu.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc biển số.

**8. Phí và lệ phí:** Thông tư số 188/2016/TT-BTC: Lệ phí cấp đăng ký, biển số:

- Cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

- Cấp lại giấy đăng ký không kèm biển số: 50.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có Giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………………….…......Số giấy CMND hoặc hộ chiếu......

Ngày cấp:……………………………..............Nơi cấp………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...…

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):..............................Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp..........………………

Địa chỉ thường trú:...……………………………...……………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………............................Màu sơn………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):…………………………..……Công suất ...…………

Nước sản xuất:………………………………………...Năm sản xuất…….…

Số động cơ:...………………………………………….Số khung…….………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……….…………..Trọng lượng…………

Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải...............

cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng ......năm.......

Biển số đã đăng ký:

Lý do xin đổi, cấp lại:............................................................................

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp .......................... cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

…ngày tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- **Cấp theo Số biển số cũ:** .........................cấp đổi cấp lại

ngày.....tháng........năm......

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

*- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng; Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**25. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu(bản chính);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.

**8. Phí và lệ phí:** Thông tư số 188/2016/TT-BTC

- Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 70.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng tạm thời.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:……………...............Số CMND hoặc hộ chiếu......

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp....……………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...…………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):…………......Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:………………………………….....Nơi cấp……………………

Địa chỉ thường trú:...……………………………...……………

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………………………...Công suất ...………

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….…

Kích thước bao (dài x rộng x cao):………………….... Trọng lượng……

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

+………………………………………………………………………

+…………………………………………………………………………

+……………………………………………………………………

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày.....tháng…… năm………

Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số đăng ký tạm thời:………………………

Cấp ngày……tháng…..năm……….

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:*

*- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;*

*- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.*

**26. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy** **chuyên dùng.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có xe máy chuyên dùng đã cải tạo, thay đổi màu sơn hoặc Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số bị hỏng nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận Bắc Ninh tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn trả kết quả.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản chính);

- Biển số xe máy chuyên dùng (trường hợp biển số bị hỏng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**-** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:**Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:** - Thông tư số 188/2016/TT-BTC:

Lệ phí cấp đăng ký, biển số:

- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký biển số xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………………….…......Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp:……………………………..............Nơi cấp………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.........................Số CMND hoặc hộ chiếu

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp..........…………………….

Địa chỉ thường trú:...……………………………...…………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………............................Màu sơn…………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):…………………………..……Công suất ...…………

Nước sản xuất:………………………………………...Năm sản xuất…….……

Số động cơ:...………………………………………….Số khung…….……

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……….…………..Trọng lượng…………

Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải..............

cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng ......năm.......

Biển số đã đăng ký:

Lý do xin đổi, cấp lại:...........................................................................

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp .......................... cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

…ngày tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- **Cấp theo Số biển số cũ:** .........................cấp đổi cấp lại ngày.....tháng........năm......

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

**27. Xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giả quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ,thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số; xoá số đăng ký và xác nhận vào tờ khai của chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Nộp giấy chứng nhận đăng ký và biển số (trừ trường hợp bị mất).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Tờ khai xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) có xác nhận của Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

**8. Phí và lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn:** Tờ khai xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng;

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Người làm thủ tục xoá sổ đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có Giấy uỷ quyền của của sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………….........Số giấy CMND hoặc hộ chiếu................

Ngày cấp:…………… ……...........Nơi cấp…………………………

Địa chỉ thường trú:………………. ………...……………………………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):……….....Số CMND, hoặc hộ chiếu……

Ngày cấp:……………………….............Nơi cấp:………..........…………

Địa chỉ thường trú:...………………...………………………………

Loại xe máy chuyên dùng:...................... Màu sơn………………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………... Công suất ...……………………………

Nước sản xuất:...……………………… Năm sản xuất…….…………………….

Số động cơ:…………………………….Số khung…….…………………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):………….....Trọng lượng………………

Hiện đã có giấy chứng nhận đang ký, biển số là:…..........……….................

Do Sở Giao thông vận tải………………….cấp ngày…..tháng………năm…….

Lý do xin xoá sổ đăng ký:…………………………………………

……………………………………………………………………

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị………………….. xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

……, ngày.....tháng…… năm………

Người khai ký

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

Số biển số:……….Ngày cấp………Số đăng ký quản lý………Ngày xoá sổ:…/../…

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày……./……./……….

Lưu hồ sơ xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

* *Ghi chú:Tờ khai lập thành 03 bản: - Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản; Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ xoá sổ 01 bản.*

**28. Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Tổ chức, cá nhân được chấp thuận chủ trương xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô tiến hành xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe, gửi hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phải hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

- Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề ở địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, nếu đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các loại giấy tờ:

+ Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng mới cơ sở đào tạo lái xe ô tô của Sở Giao thông vận tải;

+ Quyết định thành lập cơ sở dạy nghề có chức năng đào tạo lái xe của cơ quan có thẩm quyền;

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe của giáo viên còn thời hạn;

- Giấy đăng ký xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn; giấy phép xe tập lái

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

**-** Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đối với trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, nếu đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý dạy nghề tại địa phương.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép đào tạo lái xe.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** **- Thông tư số** 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ**:**

- Là cơ sở dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền thành lập,có chức năng đào tạo lái xe;

- Cơ sở đào tạo lái xe phải phù hợp với quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;**

**- Thông tư số** 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ**:**

*Mẫu:*

**BỘ, UBND...** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG (TRUNG TÂM)…..** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I - GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban.....

Địa chỉ liên lạc:............................................................................................

Điện thoại:.............................. Fax:.............................................................

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số, ngày, của...

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo /năm.

**II - BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm.......... loại xe (xe con, xe tải...tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số...........ngày ... tháng.......năm 20....của................

Từ đầu đến nay đã đào tạo được.................. học sinh, lái xe loại................

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại...., thời gian đào tạo....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp ... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên:

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:..........

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:..........

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH**

**(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Họ và tên** | **Ngày**  **tháng năm** s**inh** | **Số**  **Chứng minh nhân dân** | **Đơn vị công tác** | **Hình thức tuyển dụng** | | **Trình độ** | | | **Hạng**  **Giấy phép lái xe** | **Ngày**  **trúng**  **tuyển** | **Thâm niên dạy lái** | **Ghi chú** |
| **Biên chế** | **Hợp đồng**  (thời hạn) | **Văn hoá** | **Chuyên môn** | **Sư phạm** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Xe tập lái: Số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học sinh tập.

- Chủng loại: Số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %); tỉ lệ đổi mới.

- Thiết bị dạy lái trên xe.

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Số đăng ký xe | Mác xe | Hạng xe | Năm  sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản photocopy có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái: diện tích: ……........m2

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị.

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**29. Cấp mới Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

- Bước 2: Sau khi xây dựng xong, tổ chức, cá nhân gửi văn bản kèm hồ sơ đề nghị Sở GTVT cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

b) Giải quyết TTHC:

- Bước 1: Sau 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh xem xét, có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng trung tâm sát hạch lái xe loại 3 gửi tổ chức, cá nhân. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 2: Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Bước 1: Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng trung tâm sát hạch lái xe.

- Bước 2:

+ Văn bản đề nghị;

+ Văn bản chấp thuận chủ trương;

+ Dự án đầu tư xây dựng;

+ Bản sao có chứng thực giấy phép xây dựng; bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể; hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

b) Số lượng hồ sơ:

- Bước 1: 01 bộ.

- Bước 2: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Bước 1: Sau 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.

- Bước 2: Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe có hiệu lực 05 năm.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không có.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng thỏa mãn các yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;**

**Thông tư số** 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ**:**

**- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.**

**30. Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Trước khi Giấy chứng nhận hết hạn 30 ngày, Trung tâm sát hạch lái xe nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh.

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động được cấp lại khi hết hạn hoặc trong quá trình hoạt động có thay đổi về phần mềm sát hạch, thiết bị chấm điểm; chủng loại, số lượng ô tô sát hạch.

b) Giải quyết TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ. Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải kiểm tra và cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị kiểm tra cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe có hiệu lực 05 năm.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không có.**

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Trung tâm sát hạch lái xe thỏa mãn các yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ theo **Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.**

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;**

**Thông tư số** 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ**:**

**- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.**

**31. Cấp mới Giấy phép lái xe**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Cá nhân học lái xe lần đầu, học lái xe nâng hạng nộp hồ sơ dự học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe tại các cơ sở được phép đào tạo lái xe trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình quy định; nộp hồ sơ và báo cáo danh sách đề nghị sát hạch với Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, báo cáo sát hạch, tổ chức sát hạch lái xe và cấp Giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch.

- Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại các cơ sở đào tạo lái xe trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

***\* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:***

*- Hồ sơ do người học lái xe nộp:*

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

*- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:*

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

*\** ***Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:***

*- Hồ sơ do người học nâng hạng Giấy phép lái xe nộp:*

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);

+ Bản sao giấy phép lái xe (xuất trình bản chính khi dự sát hạch).

*- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:*

+ Hồ sơ của người học nâng hạng Giấy phép lái xe;

+ Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

( Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết: Chậm nhất** không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép lái xe.

- Thời hạn của Giấy phép lái xe:

+ Giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 không có thời hạn.

+ Giấy phép lái xe hạng B1 cấp cho người lái xe có thời hạn đến đủ 55 tuổi đối với nữ và đến đủ 60 tuổi đối với nam; trong trường hợp người lái xe trên 45 tuổi đối với nữ và trên 50 tuổi đối với nam thì giấy phép lái xe được cấp có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.

+ Giấy phép lái xe hạng A4, B2 có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp.

+ Giấy phép lái xe hạng C, D, E, FB2, FC, FD, FE có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 135.000 đ/lần.

- Phí sát hạch lái xe:

**+** Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe;

- Bản khai thời gian và số km lái xe an toàn.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được pháp cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

- Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khoẻ, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.

- Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn như sau:

+ Hạng B1 số tự động lên B1: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B1 lên B2: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D, E lên FC: thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu*

|  |
| --- |
| Ảnh màu  3 cm x 4 cm  chụp không quá 06 tháng |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

|  |  |
| --- | --- |
|  | ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE  Kính gửi:.............................................................................. |

Tôi là:....................................................................Quốc tịch.....................

Sinh ngày: ..... /..... / ..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:..................................... ..........................

Nơi cư trú:..................................................................................................

.....................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):.......Cấp ngày: ..... /..... / ....., Nơi cấp: ..................................................

Đã có giấy phép lái xe số:.......................................hạng...........................

do:........................................................................ cấp ngày: ..... /..... / .......

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng: .......

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);

- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

................................................................................................................. .........

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.................., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....*  NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Mẫu*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI  
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là: ...................................................................................................................

Sinh ngày: ..... /..... / ..... Nam, Nữ: .....

Nơi cư trú: ............................................................................................................

...............................................................................................................................

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số: ...........………...

Cấp ngày: ..... /..... / ....., nơi cấp: .........................................................................

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số: .............................., hạng ..............................

do: .................................................................................. cấp ngày: ..... /..... / .....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ............. năm lái xe và có ..........km lái xe an toàn.

Đề nghị ......................................................................... cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng ......

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.........., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....*  NGƯỜI KHAI *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

**32. Cấp lại Giấy phép lái xe**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

**- Người lái xe nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.**

**- Cấp lại Giấy phép lái xe áp dụng trong các trường hợp sau:**

**+ Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng;**

**+ Giấy phép lái xe bị mất;**

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; xác minh Giấy phép lái xe (nếu Giấy phép lái xe không do cơ quan đó cấp); xét cấp lại Giấy phép lái xe hoặc yêu cầu sát hạch lại theo quy định để cấp lại Giấy phép lái xe.

(Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe được chụp ảnh trực tiếp và xuất trình các bản chính để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**2. Cách thức thực hiện:** **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc trực tuyến qua trang thông tin điện tử: http://dichvucong.gplx.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

***- Trường hợp Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:***

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

+ Bản sao giấy phép lái xe hết hạn.

***- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng:***

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

***- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ:***

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

+ Bản chính Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).

(Khi đến cấp lại giấy phép lái xe, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch hoặc kể từ ngày có kết quả xác minh giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý.

Riêng đối với trường hợp người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng thì sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch thì được cấp lại giấy phép lái xe.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 135.000 đ/lần.

- Phí sát hạch lái xe:

**+** Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe; Từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng BộTài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

**33. Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

- Giấy phép lái xe được đổi trong các trường hợp sau:

+ Giấy phép lái xe bằng giấy bìa đang lưu hành còn thời hạn sử dụng được đổi sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET.

+ Giấy phép lái xe có thời gian thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; Giấy phép lái xe bị hỏng;

+ Người có Giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ được đổi Giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống;

+ Năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên Giấy phép lái xe có sai lệch so với năm sinh, họ, tên, tên đệm trên giấy chứng minh nhân dân.

b) Giải quyết TTHC

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, xác minh (nếu Giấy phép lái xe xin đổi không do cơ quan đó cấp) cấp đổi Giấy phép lái xe và cắt góc Giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp).

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe được chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

**2. Cách thức thực hiện:** : **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc trực tuyến qua trang thông tin điện tử: http://dichvucong.gplx.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, (trừ người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 và người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn).

- Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**  Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:** Lệ phí: 135.000 đ/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Giấy phép lái xe phải có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấp phép lái xe (sổ quản lý).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

**34. Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp đổi Giấy phép lái xe và cắt góc Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp; trả hồ sơ đổi Giấy phép lái xe cho người có Giấy phép lái xe.

( Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**2. Cách thức thực hiện:** : **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc trực tuyến qua trang thông tin điện tử: http://dichvucong.gplx.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 6 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

- Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:** Lệ phí 135.000 đ/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp quốc phòng…).

- Quyết định ra quân tính đến ngày làm thủ tục đổi không quá thời hạn 06 tháng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

**35. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp đổi Giấy phép lái xe và cắt góc Giấy phép lái xe do ngành công an cấp; trả hồ sơ đổi Giấy phép lái xe cho người có Giấy phép lái xe.

(Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**2. Cách thức thực hiện:** **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc trực tuyến qua trang thông tin điện tử: http://dichvucong.gplx.gov.vn

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

-  ***Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành công an cấp trước ngày 01/8/1995:***

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam);

+ Hồ sơ gốc (nếu có);

***- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995:***

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:** Lệ phí: 135.000đ/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Cán bộ, chiến sĩ công an có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995 còn thời hạn sử dụng.

- Giấy phép lái xe không quá thời hạn sử dụng theo quy định; không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu*

**36. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Người có Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh(nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài).

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, cấp đổi Giấy phép lái xe và trả hồ sơ đổi Giấy phép lái xe cho người có giấy phép lái xe.

- Trường hợp phát hiện có nghi vấn về giấy phép lái xe nước ngoài, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh.

- Trường hợp phát hiện có nghi vấn về hộ chiếu, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

(Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**2. Cách thức thực hiện:** **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc trực tuyến qua trang thông tin điện tử: <http://dichvucong.gplx.gov.vn>

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

- Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:** Lệ phí: 135.000đ/ lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

- Giấy phép lái xe của nước ngoài không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

***Mẫu***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

***Mẫu***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence- Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ  
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER’S LICENCE  
(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)  
 Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

|  |
| --- |
| Tôi là (Full name):..................................................................................................  Quốc tịch (Nationality):..........................................................................................  Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....................................................................  Hiện cư trú tại (Permanent Address):......................................................................  Số hộ chiếu (Passport No.):....................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):.........tháng (month).......... năm (year)..........  Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):.........  Cơ quan cấp (Issuing Office):..................................................................................  Tại (Place of issue):.................................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):....... tháng (month).........năm (year).............  Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):…..  .....................................................................................................................................  Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam). |

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *............, ngày (date) ...... tháng (month) ...... năm (year).....*  NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT) *(Ký và ghi rõ họ, tên)  (Signature and Full name)* |

**37. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Người lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam đến Sở Giao thông vận tải.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, đổi Giấy phép lái xe, giao Giấy phép lái xe mới cho người đổi, trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh.

(Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**2. Cách thức thực hiện:** **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Hoặc trực tuyến qua trang thông tin điện tử: <http://dichvucong.gplx.gov.vn>

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

- Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**8. Phí, lệ phí:** Lệ phí: 135.000 đ/lần.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence- Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ  
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER’S LICENCE  
(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)  
 Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

|  |
| --- |
| Tôi là (Full name):..................................................................................................  Quốc tịch (Nationality):..........................................................................................  Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....................................................................  Hiện cư trú tại (Permanent Address):......................................................................  Số hộ chiếu (Passport No.):....................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):.........tháng (month).......... năm (year)..........  Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):.........  Cơ quan cấp (Issuing Office):..................................................................................  Tại (Place of issue):.................................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):....... tháng (month).........năm (year).............  Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):…..  .....................................................................................................................................  Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam). |

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *............, ngày (date) ...... tháng (month) ...... năm (year).....*  NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT) *(Ký và ghi rõ họ, tên)  (Signature and Full name)* |

**38. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị khai thác bến xe nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi bến xe khách được xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo mẫu;

- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:** chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6.** **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có**.**

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

- Thời hạn của Quyết định: 5 năm, kể từ ngày ký.

**8.** **Phí, lệ phí:** Không có.

**9.** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách.

**10.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**11.** **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)……….. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..................., ngày tháng năm* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi:.......................... (1)............................................................

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):..............................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):..........................................................................

3. Trụ sở: .............................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):..........................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.........do.............cấp ngày .... ....tháng........ năm ...........

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách……(3)…………………Cụ thể như sau:

- Tên: (3)..........................................................................................

- Địa chỉ:(4).......................................................................................

- Tổng diện tích đất: (5)………………………… …………………….

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45: 2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ….(1)….công bố Bến xe khách….(3)…. đạt quy chuẩn Bến xe loại:..........(6)… và được đưa vào khai thác.

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách

(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách

(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| .........(2)........ **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ....../....... | *......, ngày     tháng     năm* |

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.............................(1).............................

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.......................................................

2. Trụ sở:..............................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):..........................................................................................

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách............(3)............ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....** | **Theo thực tế** |
| 1 | Tổng diện tích (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 2 | Số vị trí đón khách (tối thiểu) | vị trí |  |  |
| 3 | Số vị trí trả khách (tối thiểu) | vị trí |  |  |
| 4 | Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 5 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 |  |  |
| 6 | Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | m2 |  |  |
| 7 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ |  |  |
| 8 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) |  |  |  |
| 9 | Diện tích khu vực làm việc |  |  |  |
| 10 | Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông |  |  |  |
| 11 | Diện tích khu vệ sinh |  |  |  |
| 12 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ |  |  |  |
| 13 | Đường xe ra; vào bến |  |  |  |
| 14 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách. |  |  |  |
| 15 | Mặt sân bến |  |  |  |
| 16 | Hệ thống cung cấp thông tin |  |  |  |
| 17 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến |  |  |  |

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu... | **Đại diện đơn vị** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

**39. Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh, khai thác bến xe khách nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi có bến xe khách đề nghị công bố, xếp loại lại.

- Bến xe khách phải được đề nghị công bố lại trong các trường hợp:

+ Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách;

+ Trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày (thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác).

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm  việc kể  từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

- Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Biện bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6.** **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định. Thời hạn là 5 năm.

**8**. **Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách.

**10.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT: Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**11.** **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..................., ngày tháng năm* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:…….(2):...............................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.............................................................

3. Trụ sở: .................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):..............................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số....................do....................

cấp ngày .... ....tháng........ năm ...........

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác(3)….... …Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số…. ngày…. tháng…năm…của ….(1)….. Thời gian được phép khai thác đến ngày… tháng…. năm…..

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ….(1)….tiếp tục công bố đưa Bến xe khách…….(3)…. đạt loại: ......(4):........vào khai thác.

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

**40. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (Cơ quan Chấp thuận lần đầu).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan Chấp thuận tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác. Trường hợp không gia hạn chấp thuận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Văn bản gia hạn chấp thuận.

- Chỉ được thực hiện gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.Mẫu:

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:............/.............

..............., *ngày*........ *tháng*........*năm 201*......

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU**

**TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng **(**…3…)

Kính gửi: ...........................................(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (...5...)

(…..2….) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(…2…) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………

Số điện thoại: ..............

(……2…..)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ph**

***Nơi nhận:***

- Như trên;

- ....................;

- ....................;

- Lưu VT.

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (…2…) thấy cần thiết./.

**41. Gia hạn chấp thuận** **thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào quốc lộ.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh (Cơ quan Chấp thuận lần đầu).

b) Giải quyết TTHC:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định, Cơ quan Chấp thuận lần đầu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với trường hợp nộp qua hệ thống chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, Cơ quan Chấp thuận lần đầu tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

- Cơ quan Chấp thuận lần đầu tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào quốc lộ.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết**: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao..

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Văn bản gia hạn chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí**: Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào quốc lộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG NÚT GIAO ĐẤU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ.

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đấu nối vào quốc lộ tại Điều 26 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**42. Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) đến cơ quan cấp Giấy phép

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam *(đối với xe thương mại thuộc các đối tượng: xe vận tải hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa; xe phi thương mại thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội)*;

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh *(đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, trừ xe phi thương mại thuộc các đối tượng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp)*;

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia *(đối với xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương đó)*.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với xe thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Đối với xe phi thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại theo mẫu;

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, các nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**-** Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại;

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ;

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh vận tải đề nghị cấp giấy phép** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ   
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:………………………….số Fax:

4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn hiệu** | **Số khung** | **Số máy** | **Màu sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)** | **Cửa khẩu Xuất- Nhập cảnh** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

|  |  |
| --- | --- |
| a) Hành khách theo tuyến cố định: □ | b) Khách du lịch: □ |
| c) Hành khách theo hợp đồng: □ | d) Vận tải hàng hóa: □ |

***Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:***

Tuyến: ……………………đi ………………………………....và ngược lại

Bến đi: Bến xe …………………………………………(thuộc tỉnh: ………Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ………………………………….(thuộc tỉnh: ………………)

Cự ly vận chuyển: ………………………… km

Hành trình tuyến đường:.......................................................................................

Đã được Sở Giao thông vận tải ………………….chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số …………ngày………. tháng………. năm ………………………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……..,Ngày tháng năm* Thủ trưởng đơn vị  (Ký tên, đóng dấu) |

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị/tổ chức đề nghị cấp giấy phép** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN**

**PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:. ……………………………………số Fax:

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số ………..ngày cấp ………..cơ quan cấp phép ………… (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn hiệu** | **Số khung** | **Số máy** | **Màu sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)** | **Cửa khẩu Xuất- Nhập cảnh** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

|  |  |
| --- | --- |
| a) Công vụ: □ | b) Cá nhân: □ |
| c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX: □ | d) Mục đích khác: □ |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……..,ngày tháng năm Thủ trưởng đơn vị(Ký tên, đóng dấu) |

**43. Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Khi Giấy phép hết thời hạn, bị hư hỏng hoặc bị mất, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) đến cơ quan cấp Giấy phép

- Tổng cục Đường bộ Việt *Nam (đối với xe thương mại thuộc các đối tượng: xe vận tải hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa; xe phi thương mại thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội)*;

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh *(đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ xe phi thương mại thuộc các đối tượng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp)*;

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia *(đối với xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương đó)*.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp lại Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** **Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với xe thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Đối với xe phi thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại theo mẫu;

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, các nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

1. Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**-** Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại;

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh vận tải đề nghị cấp giấy phép -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ   
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:………………………….số Fax:

4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn hiệu** | **Số khung** | **Số máy** | **Màu sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)** | **Cửa khẩu Xuất- Nhập cảnh** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

|  |  |
| --- | --- |
| a) Hành khách theo tuyến cố định: □ | b) Khách du lịch: □ |
| c) Hành khách theo hợp đồng: □ | d) Vận tải hàng hóa: □ |

***Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:***

Tuyến: ……………………đi ………………………………....và ngược lại

Bến đi: Bến xe …………………………………………(thuộc tỉnh: ………Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ………………………………….(thuộc tỉnh: ………………)

Cự ly vận chuyển: ………………………… km

Hành trình tuyến đường:..........................................................................................

Đã được Sở Giao thông vận tải ………………….chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số …………ngày………. tháng………. năm ……………………….

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……..,Ngày tháng năm* Thủ trưởng đơn vị  (Ký tên, đóng dấu) |

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:* **Tên đơn vị/tổ chức đề nghị cấp giấy phép -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN**

**PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:……………………..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:. ……………………………………số Fax:

4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số ………..ngày cấp ………..cơ quan cấp phép ………… (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn hiệu** | **Số khung** | **Số máy** | **Màu sơn** | **Thời gian đề nghị cấp phép** | **Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)** | **Cửa khẩu Xuất- Nhập cảnh** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

|  |  |
| --- | --- |
| a) Công vụ: □ | b) Cá nhân: □ |
| c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX: □ | d) Mục đích khác: □ |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……..,ngày tháng năm Thủ trưởng đơn vị(Ký tên, đóng dấu) |

**44. Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào đến:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam *(đối với phương tiện của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội; Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải);*

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh *(đối với phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng còn lại đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*);

- Đối với các Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào theo quy định tại Nghị định thư còn được cấp Giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý) (sau đây gọi là cơ quan cấp phép).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép cấp phép liên vận Việt - Lào; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).

- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

+ Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở GTVT Bắc Ninh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở GTVT Bắc Ninh.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy phép liên vận Việt – Lào.

- Hiệu lực của Giấy phép:

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn kết thúc công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.

Riêng đối với xe vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch, Giấy phép liên vận Việt - Lào được cấp theo thời hạn chuyến đi nhưng tối đa không quá 30 ngày.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện phi thương mại có thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp.

Riêng đối với xe công vụ, Giấy phép liên vận Việt - Lào có thể cấp theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:* | |
| Tên doanh nghiệp/HTX | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| đề nghị cấp giấy phép | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ---------------------------------------------- |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN**

**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: ..........................................................

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.............. ..................................................................

2. Địa chỉ : .............................................................................................................

3. Số điện thoại:............................................Số Fax: .............................................

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ...................... ngày cấp: ......................

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải  (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu  Xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch :

c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hoá :

***Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:***

Tuyến:.............................đi.............................và ngược lại

Bến đi: Bến xe...........................................(thuộc tỉnh:..............................Việt Nam)

Bến đến: Bến xe...........................................(thuộc tỉnh:...........................................)

Cự ly vận chuyển: .....................km

Hành trình tuyến đường: ............................................................................................

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ...................... ngày ........................

|  |  |
| --- | --- |
|  | ........., ngày tháng năm  **Đại diện doanh nghiệp, HTX**  *(Ký tên, đóng dấu )* |

*Mẫu:* **Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên đơn vị/cá nhân | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| đề nghị cấp giấy phép | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ----------------------------------------------- |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

Kính gửi:..........................................................

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.............. .........................................................................

2. Địa chỉ : .............................................................................................................

3. Số điện thoại:............................................Số Fax: ........................................

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số………ngày cấp………..cơ quan cấp phép………….. (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải  (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu  Xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ : b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh: d) Mục đích khác :

|  |  |
| --- | --- |
|  | ........., ngày tháng năm  **Đại diện doanh nghiệp, HTX**  hoặc cá nhân  *(Ký tên, đóng dấu (nếu có))* |

**45. Cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

 Khi Giấy phép liên vận Việt - Lào hết hạn hoặc bị hư hỏng, bị mất, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào đến

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam *(đối với phương tiện của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội; Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải)*;

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh *(đối với phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng còn lại đóng trên địa bàn địa phương)*;

- Đối với các Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào theo quy định tại Nghị định thư còn được cấp Giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý) (sau đây gọi là cơ quan cấp phép).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).

+ Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng .

- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);

+ Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác).

+ Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy phép liên vận Việt – Lào.

- Hiệu lực của Giấy phép:

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn kết thúc công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.

Riêng đối với xe vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch, Giấy phép liên vận Việt - Lào được cấp theo thời hạn chuyến đi nhưng tối đa không quá 30 ngày.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện phi thương mại có thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp.

+ Riêng đối với xe công vụ, Giấy phép liên vận Việt - Lào có thể cấp theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT: Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:* | |
| Tên doanh nghiệp/HTX | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| đề nghị cấp giấy phép | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ---------------------------------------------- |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN**

**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi: ..........................................................

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.............. ..................................................................

2. Địa chỉ : .............................................................................................................

3. Số điện thoại:............................................Số Fax: .............................................

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ...................... ngày cấp: ......................

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải  (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu  Xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch :

c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hoá :

***Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:***

Tuyến:.............................đi.............................và ngược lại

Bến đi: Bến xe...........................................(thuộc tỉnh:..............................Việt Nam)

Bến đến: Bến xe...........................................(thuộc tỉnh:...........................................)

Cự ly vận chuyển: .....................km

Hành trình tuyến đường: ............................................................................................

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ...................... ngày ........................

|  |  |
| --- | --- |
|  | ........., ngày tháng năm  **Đại diện doanh nghiệp, HTX**  *(Ký tên, đóng dấu )* |

*Mẫu:* **Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên đơn vị/cá nhân | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| đề nghị cấp giấy phép | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ----------------------------------------------- |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

Kính gửi:..........................................................

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.............. ..................................................................

2. Địa chỉ : .............................................................................................................

3. Số điện thoại:............................................Số Fax: .............................................

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số………ngày cấp………..cơ quan cấp phép………….. (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp lại Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện vận tải sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải  (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu  Xuất - nhập |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ : b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh: d) Mục đích khác :

|  |  |
| --- | --- |
|  | ........., ngày tháng năm  **Đại diện doanh nghiệp, HTX**  hoặc cá nhân  *(Ký tên, đóng dấu (nếu có))* |

# 46. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ đến cơ quan cấp Giấy phép

- Cục Quản lý đường bộ đối với xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên mạng lưới đường bộ trong phạm vi cả nước trừ các xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp;

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh đối với xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoạt động trên mạng lưới đường bộ trong phạm vi địa phương quản lý trừ các xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp;

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam đối với xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng mà khi lưu hành phải thực hiện các điều kiện bắt buộc như đi theo làn quy định có xe dẫn đường, hộ tống hoặc phải gia cường đường bộ).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép lưu hành xe tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép lưu hành xe cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

# - Trường hợp phải kiểm định đường bộ nhằm xác định khả năng để quy định điều kiện tham gia giao thông hoặc gia cường đường bộ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân có nhu cầu lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ tiến hành kiểm định hoặc gia cường đường bộ. Thời hạn xem xét cấp giấy phép lưu hành xe không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả kiểm định hoặc báo cáo kết quả hoàn thành công tác gia cường đường bộ của tổ chức tư vấn đủ điều kiện hành nghề bảo đảm cho xe lưu hành an toàn.

**2. Cách thức thực hiện:****Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

# 3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ theo mẫu. Kèm theo giấy đề nghị giấy phép lưu hành xe có vẽ sơ đồ xe ghi đầy đủ, chính xác các kích thước bao ngoài (nếu xe chở hàng hóa phải ghi đầy đủ, chính xác các kích thước bao ngoài khi đã xếp hàng hóa lên xe hoặc lên rơ moóc, sơ mi rơ moóc: chiều cao, chiều rộng, chiều dài), khoảng cách các trục xe, chiều dài đuôi xe.

Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe là bản chính, rõ ràng, đầy đủ, không được tẩy xóa; tổ chức, cá nhân đề nghị phải là chủ phương tiện, người vận tải hoặc người thuê vận tải. Tổ chức, cá nhân đề nghị phải ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu là tổ chức). Trường hợp giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe không có dấu, người đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải trực tiếp đến làm thủ tục và phải xuất trình chứng minh thư nhân dân của người đề nghị;

- Bản sao giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký tạm thời xe, xe đầu kéo, rơ moóc, sơ mi rơ moóc (đối với phương tiện mới nhận);

- Bảo sao các trang ghi về đặc điểm phương tiện và kết quả kiểm định gần nhất của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực. Trường hợp phương tiện mới nhận chỉ cần bản sao tính năng kỹ thuật của xe (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe);

- Giấy cam kết của chủ phương tiện về quyền sở hữu phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp giấy lưu hành xe. Tổ chức, cá nhân đến làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải mang theo bản gốc hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của các bản sao nêu trên để đối chiếu;

- Báo cáo kết quả kiểm định hoặc báo cáo kết quả công tác gia cường đường bộ (nếu cần).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp phải kiểm định đường bộ nhằm xác định khả năng để quy định điều kiện tham gia giao thông hoặc gia cường đường bộ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân có nhu cầu lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ tiến hành kiểm định hoặc gia cường đường bộ. Thời hạn xem xét cấp giấy phép lưu hành xe không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả kiểm định hoặc báo cáo kết quả hoàn thành công tác gia cường đường bộ của tổ chức tư vấn đủ điều kiện hành nghề bảo đảm cho xe lưu hành an toàn.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ;

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải:

- Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng chỉ được cấp trên các đoạn, tuyến đường bộ cụ thể và trong những trường hợp đặc biệt, khi không còn phương án vận chuyển nào khác phù hợp hơn hoặc không thể sử dụng chủng loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác phù hợp hơn để vận chuyển trên đoạn, tuyến đường bộ đó.

- Không cấp giấy phép lưu hành cho xe quá khổ giới hạn đối với trường hợp chở hàng hóa có thể tháo rời (chia nhỏ) hoặc xe bánh xích không thực hiện các biện pháp bắt buộc khi tham gia giao thông trên đường bộ.

- Không cấp giấy phép lưu hành xe cho tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện, người vận tải hoặc người thuê vận tải gây ra hư hỏng công trình đường bộ do việc lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ mà chưa hoàn thành công tác sửa chữa, khắc phục hư hỏng công trình đường bộ.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/09/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: …………… (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:.....................................................................................

- Địa chỉ:……………………………………. Điện thoại:.....................................

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

**PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN**

- Loại xe:...............................................................................................................

- Nhãn hiệu xe:……………………….  Biển số đăng ký:.....................................

- Nhãn hiệu sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc):...........................................................

- Biển số đăng ký của sơ mi rơ moóc (hoặc rơ moóc):..........................................

- Kích thước bao của xe kể cả sơ mi rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: ……………..(m).

- Kích thước bao của rơ moóc: Dài x Rộng x Cao: ……………………………….(m).

- Tải trọng thiết kế của xe (hoặc xe kéo sơ mi rơ moóc): ……………………... (tấn).

- Tải trọng thiết kế của rơ moóc: …………………..(tấn).

- Trọng lượng bản thân xe: ....(tấn); Trọng lượng bản thân sơ mi rơ moóc (rơ moóc): …… (tấn).

- Số trục của xe: …… Số trục sau của xe: ……… Số trục của sơ mi rơ moóc:.....

- Số trục của rơ moóc: ……….. Số trục sau của rơ moóc:...................................

**HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN**

- Loại hàng:.....................................................................................................

- Trọng lượng hàng xin chở:.................................................................................

- Chiều rộng toàn bộ xe khi xếp hàng:… (m); Hàng vượt hai bên thùng xe: … (m).

- Chiều dài toàn bộ xe khi xếp hàng:………. (m); Chiều cao toàn bộ xe khi xếp hàng: ………. (m); Chiều cao toàn bộ xe khi xếp hàng: …………. (m).

- Hàng vượt phía trước thùng xe: …… (m); Hàng vượt phía sau thùng xe: …… (m)

- Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:

+ Trục đơn: …………. tấn;

+ Trục kép: …………. tấn, khoảng cách giữa hai tâm trục, d=………………….m;

+ Trục ba: …………. tấn, khoảng cách giữa hai tâm trục liền kề, d=…………….m.

**TUYẾN ĐƯỜNG VÀ THỜI GIAN VẬN CHUYỂN**

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng):……………………………………………………………………………

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ………………… đến………………………

|  |  |
| --- | --- |
| *Ghi chú: Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe.* | *........., ngày ……… tháng …….. năm ……*  Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị  (Ký tên, đóng dấu, họ và tên) |

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
--------------**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH  
XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: …………….. (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy lưu hành) ……….

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: ....................................................................................

- Địa chỉ: …………………………………………………………... Điện thoại:

- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích: .........................................

- Biển số đăng ký (nếu có): ...................................................................................

- Trọng lượng bản thân xe: ……………………………… (tấn).

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: ………………… (m)

+ Chiều rộng: ……………….. (m)

+ Chiều cao: …………………. (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng): ..............................................................................

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: ……………… (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: ………… (m)

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng): ………………………………………….

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ .................………………… đến .......................

*(Giấy đề nghị cấp giấy phép lưu hành xe …ngày, tháng….năm….*

*phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị*

*các kích thước: Chiều dài, chiều rộng,*

*chiều cao của xe) Ký tên, đóng dấu*

**47. Cấp Giấy phép xe tập lái .**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:** Cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi quản lý để xét duyệt, cấp giấy phép.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải hoặc Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ, căn cứ kết quả kiểm tra cấp Giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái theo mẫu;

- Hồ sơ xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái gồm bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính các giấy tờ sau: giấy đăng ký xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép xe tập lái.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 12/TT-BGTVT :

- Là cơ sở dạy nghề hoặc cơ sở đào tạo lái xe do cơ quan có thẩm quyền thành lập;

- Xe tập lái phải đủ tiêu chuẩn theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

*Mẫu:*

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG……………. TRUNG TÂM…………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải (Tổng cục Đường bộ Việt Nam)………………

Trường (Trung tâm)……….. đề nghị Sở Giao thông vận tải (Tổng cục Đường bộ Việt Nam)……………… xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe tập lái của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT | | Ghi chú |
| Ngày cấp | Ngày hết hạn |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | *……….., ngày ….. tháng…… năm 20….* **HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**48. Cấp lại Giấy phép xe tập lái.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Khi Giấy phép xe tập lái hết hạn, Cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép xe tập lái đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi quản lý để xét duyệt, cấp lại giấy phép.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ, căn cứ kết quả kiểm tra cấp lại Giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp lại Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu;

- Hồ sơ xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái gồm bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính các giấy tờ sau: giấy đăng ký xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Sau 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép xe tập lái.

**8. Phí, lệ phí:** không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Danh sách xe đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 12/TT-BGTVT

- Là cơ sở dạy nghề hoặc cơ sở đào tạo lái xe do cơ quan có thẩm quyền thành lập;

- Xe tập lái phải đủ tiêu chuẩn theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

*Mẫu:*

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG……………. TRUNG TÂM…………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải (Tổng cục Đường bộ Việt Nam)………………

Trường (Trung tâm)……….. đề nghị Sở Giao thông vận tải (Tổng cục Đường bộ Việt Nam)……………… xem xét, cấp Giấy phép xe tập lái cho số xe tập lái của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Biển số đăng ký** | **Xe của cơ sở đào tạo** | **Xe hợp đồng** | **Nhãn hiệu** | **Loại xe** | **Số động cơ** | **Số khung** | **Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT** | | **Ghi chú** |
| **Ngày cấp** | **Ngày hết hạn** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | *……….., ngày ….. tháng…… năm 20….*  **HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**49. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe .**

**1. Trình tự thực hiện :**

**a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đề nghị cấp** Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận hồ sơ cá nhân hoặc danh sách do cơ sở đào tạo lập; kiểm tra, tổ chức tập huấn. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện tập huấn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe đối với cá nhân đạt kết quả tập huấn và vào sổ theo dõi.

**2. Cách thức thực hiện:**

**Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- Giấy phép lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ thuật nghề (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

- Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm nền màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả tập huấn.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận giáo viên thực hành lái xe là 05 năm.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị tập huấn, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe .

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Cá nhân phải dự tập huấn và kiểm tra đạt yêu cầu theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: (Tổng cục Đường bộ Việt Nam) Sở Giao thông vận tải .........

Tôi là:....................................................Quốc tịch:...............................................

Sinh ngày:…………..tháng ……………………năm……………………………

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:………...……………………………………

Nơi cư trú:...........................................................................................................

Có giấy chứng minh nhân dân số: ......................cấp ngày…....tháng........năm......

Nơi cấp:..................................................................................................................

Có giấy phép lái xe số: ....................., hạng ...........do:..................................

cấp ngày .......tháng .........năm ......

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy

thực hành lái xe hạng...........................để dạy lái xe tại cơ sở đào tạo………......

....................................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

- 01 bản sao có chứng thực Giấy phép lái xe (còn thời hạn).

- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ sư phạm.

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe.

- 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm.

- Các tài liệu khác có liên quan gồm:..............................................................

……………….........................................................................................................

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*.............., ngày .......tháng......năm 20....*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**50. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô.**

**1. Trình tự thực hiện :**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

**Khi Giấy phép đào tạo lái xe ô tô hết hạn, điều chỉnh hạng xe đào tạo hoặc lưu lượng đào tạo thì cơ sở đào tạo lái xe ô tô gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô đến** Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh**.**

**b) Giải quyết TTHC:**

**-** Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp lại theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh phối hợp với cơ quan quản lý dạy nghề tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản kiểm tra.

- Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt kết quả, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:**

**Nộp hồ sơ** trực tiếp tại Trung tâm hành chính công Tỉnh Bắc Ninh hoặc qua hệ thống dịch vụ Bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu;

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe của giáo viên (bản sao có chứng thực);

- Giấy đăng ký xe (bản sao có chứng thực), giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn thời hạn (bản sao chụp), giấy phép xe tập lái (bản sao chụp).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt kết quả, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: S Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Cơ quan quản lý dạy nghề tại địa phương.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép đào tạo lái xe.

**8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

Báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

- Là cơ sở dạy nghề do cơ quan có thẩm quyền thành lập,có chức năng đào tạo lái xe;

**-** Cơ sở đào tạo lái xe phải phù hợp với quy hoạch cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe theo quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;**

- Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

*Mẫu:*

**BỘ, UBND...** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG (TRUNG TÂM)…..** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I - GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban.....

Địa chỉ liên lạc:...........................................................................................

Điện thoại:.............................. Fax:.............................................................

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số, ngày, của...

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo /năm.

**II - BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm.......... loại xe (xe con, xe tải...tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số...........ngày ... tháng.......năm 20....của................

Từ đầu đến nay đã đào tạo được.................. học sinh, lái xe loại................

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại...., thời gian đào tạo....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m2), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp ... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên:

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:..........

- Số giáo lượng viên dạy thực hành:..........

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH**

**(hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Họ và tên** | **Ngày**  **tháng năm** s**inh** | **Số**  **Chứng minh nhân dân** | **Đơn vị công tác** | **Hình thức tuyển dụng** | | **Trình độ** | | | **Hạng**  **Giấy phép lái xe** | **Ngày**  **trúng**  **tuyển** | **Thâm niên dạy lái** | **Ghi chú** |
| **Biên chế** | **Hợp đồng**  (thời hạn) | **Văn hoá** | **Chuyên môn** | **Sư phạm** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Xe tập lái: Số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học sinh tập.

- Chủng loại: Số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %); tỉ lệ đổi mới.

- Thiết bị dạy lái trên xe.

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Số đăng ký xe | Mác xe | Hạng xe | Năm  sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản photocopy có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái: diện tích: ……........m2

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị.

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**51. Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh, khi phương tiện gặp sự cố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ngay trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nêu rõ những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh có văn bản gia hạn Giấy phép liên vận CLV và gửi cho tổ chức, cá nhân; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;

- Giấy phép liên vận CLV;

- Giấy đăng ký phương tiện.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải các tỉnh Bắc Ninh.

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

1. Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải các tỉnh Bắc Ninh
2. Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản gia hạn.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị gia hạn.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Đối tượng được gia hạn: phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày hết hạn.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép liên vận của Lào, Campuchia  Company name applying for extension of Laos, Cambodia Cross-border Transport Permit | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness **---------------** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ   
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV   
APPLICATION FOR EXTENSION OF CAMBODIA-LAOS-VIET NAM   
CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi *(To)*:…………………………………………………….

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*………………

2. Địa chỉ: *(Address)*………………………Số Fax: *(Fax No.):* …………………

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số *(Business Registration Certificate or Investment License No.:…………………………………*

Ngày cấp *(Date of issue)*………… Cơ quan cấp *(Issuing Authority)* ……………

5. Đề nghị Sở GTVT ……………………….gia hạn Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of…………….to extend the validity of Cambodia - Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*:………………………………………

- Giấy phép liên vận CLV số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp:...... Có giá trị đến: …………….

*Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:... (Date of issue).... (Issuing Authority)...Date of expiry …………*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ........ tháng ………năm …………

*Date of entry into Viet Nam: ……………..month …………….year ………..*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed to extend duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn giấy phép liên vận: .*...ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

*Extension for:……..days, from date…….. month…… year... ...to date….. month... year ......*

+ Gia hạn chuyến đi:........ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .......

*Extension of Journey: ……….days, from date... month... year... to date .... month... year...*

7. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):*…………………………

……………………………………………………………………………………

8. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Memorandum of Understanding between the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Democratic Republic of Laos and the Socialist Republic of Vietnam on Road of Transport).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | …, ngày *(Date)*……tháng *(month)*…..năm *(year)*…  Đại diện đơn vị (Representative of the Company) *Ký tên/Signature Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền* *(Driver, vehicle owner or authorized person)* |

**52. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi có bến xe đi hoặc đến của tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận doanh nghiệp, hợp tác xã vào khai thác và xác nhận vào hợp đồng đối tác; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu;

- Giấy đăng ký phương tiện hoạt động trên tuyến (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi có bến xe đi hoặc đến của tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia;

1. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi có bến xe đi hoặc đến của tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

**-** Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam – Lào - Campuchia.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh vận tải Số:…………/……………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *…………, ngày…… tháng…. năm……..* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải……….

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:.........................………… số Fax:

4. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: …………………………………Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi:……………………….Bến đến:

Cự ly vận chuyển:………………….. km

Hành trình chạy xe:

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Biển kiểm soát | Tên chủ sở hữu | Mác xe | Trọng tải | Năm sản xuất |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị kinh doanh vận tải  -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

**1. Đặc điểm tuyến:**

Tên tuyến: …………………..đi ……………………………………và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: …………………………km.

Lộ trình:

**2. Biểu đồ chạy xe:**

Số chuyến tài (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:………………………………………………………

Hàng ngày có…………………. nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc……………. giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc …………… giờ.

+ ……………………….

b) Tại bến lượt về: bến xe: ......................................................................................

Hàng ngày có ............. nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ……………giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc…………… giờ.

+ ………………………

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ……….km/giờ.

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:……………….. phút.

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:**

a) Lượt đi từ Bến xe:…………………………đến Bến xe:………………………

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe …………………………………đến Bến xe:

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ …………đến……………… phút/điểm.

**4. Phương tiện bố trí trên tuyến**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Ghi chú |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

**5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe**

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-……………………………………………………………………………………

-……………………………………………………………………………………

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-……………………………………………………………………………………

**6. Các dịch vụ khác**

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

**7. Giá vé**

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ………………………………đồng/HK.

- Giá vé chặng (nếu có): ………………………….đồng/HK.

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá vé** | **đồng/HK** |
| Trong đó:  - Giá vé (\*) | đồng/HK |
| - Chi phí các bữa ăn chính | đồng/HK |
| - Chi phí các bữa ăn phụ | đồng/HK |
| - Phục vụ khác: khăn, nước ... | đồng/HK |

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:………………………………………………………

- Bán vé tại đại lý:……………………………… (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: …………………………………………………………… (địa chỉ trang Web).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**53. Chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi giảm tần suất chạy xe trên tuyến ít nhất 10 ngày, doanh nghiệp, hợp tác xã phải gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi cấp phù hiệu.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh ra văn bản chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến; đồng thời cập nhật các thông tin về việc giảm tần suất chạy xe trên tuyến vào nội dung niêm yết trên Trang thông tin điện tử của Sở.

- Sau thời điểm giảm tần suất chạy xe chậm nhất 05 ngày làm việc, doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp lại phù hiệu của các xe ngừng khai thác trên tuyến cho Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh. Trước khi doanh nghiệp, hợp tác xã giảm tần suất chạy xe ít nhất 03 ngày, bến xe hai đầu tuyến có trách nhiệm thông báo công khai tại bến xe.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Văn bản đề nghị giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:.........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TRÊN TUYẾN VẬN TẢI**

**HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải............

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:…………………................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:........... do …*(tên cơ quan cấp)*.... cấp ngày........./...../...........

5. Đăng ký giảm tần suất chạy xe tuyến: Mã số tuyến:........................................

Nơi đi:..................................Nơi đến:................................(1)

Bến đi:................................ Bến đến:..................................

Cự ly vận chuyển:.................km

Hành trình chạy xe:..................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh).

**54. Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của đơn vị.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đầu tuyến phía bên kia để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Hết thời hạn trên nếu không có văn bản trả lời thì coi như Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến đã đồng ý với nội dung đăng ký khai thác tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản chấp thuận gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô được lựa chọn đăng ký khai thác tuyến theo quy hoạch mạng lưới tuyến hoặc điều chỉnh tăng tần suất chạy xe theo nguyên tắc: giờ xe đăng ký xuất bến tại hai đầu bến không trùng giờ và đảm bảo thời gian giãn cách theo quy định với các chuyến xe của doanh nghiệp, hợp tác xã khác đang hoạt động hoặc đã đăng ký trước trong các trường hợp sau:

- Khi cơ quan có thẩm quyền công bố, điều chỉnh quy hoạch;

- Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng tần suất chạy xe.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:.............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI**

**HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải............

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:…………………................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:........... do …*(tên cơ quan cấp)*.... cấp ngày........./...../...........

5. Đăng ký..........(1)..................tuyến: Mã số tuyến:........................................

Nơi đi:..................................Nơi đến:................................(2)

Bến đi:................................ Bến đến:..................................

Cự ly vận chuyển:.................km

Hành trình chạy xe:..................................................................................

6. Công văn chấp thuận khai thác số:.........../..... do...... *(ghi tên cơ quan cấp)* …..cấp ngày.../...../.....(3)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi một trong các nội dung sau: đăng ký khai thác/ tăng tần suất chạy xe.

(2) Ghi tên tỉnh,

(3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:.................................................................................................................................

Tên tuyến:.............................đi.........................................và ngược lại.

Bến đi:...........................................................................................................................................

Bến đến:........................................................................................................................................

Cự ly vận chuyển:.........................km.

Hành trình:....................................................................................................................................

**II. Biểu đồ chạy xe:**

1. Số chuyến (nốt (tài))................trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:…………………………***

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày................................................................

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc...... giờ.....phút, vào các ngày................................................................

***b) Chiều về: xuất bến tại:………………………***

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày................................................................

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc...... giờ.....phút, vào các ngày................................................................

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:………………………..***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……………………………………………………………………..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

***b) Chiều về: xuất bến tại:………………***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**III. Đoàn phương tiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Nhãn hiệu xe** | **Năm sản xuất** | **Sức chứa** | **Tiêu chuẩn khí thải** | **Số lượng (chiếc)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | … | … | … | … | … |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

**IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Nốt (tài) 1 |  |  |  |
| 2 | Nốt (tài) 2 |  |  |  |
|  | .... |  |  |  |

**V. Giá vé và cước hành lý:**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:................... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.......):........................đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.......):.........................đồng/HK.

- Chặng..........................................................................................................................................

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.........................................kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:........................đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.........................................................................................................

b) Bán vé tại đại lý:....................... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:.............. (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe:…………….., sức chứa:…………, năm sản xuất

- Số lượng xe:……………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:.........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI  
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT...............

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....................................................................................

2. Địa chỉ:..........................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.......................................................................................

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi............ tỉnh đến.........; Bến đi........... Bến đến............. như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:................

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:** Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

**55. Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của đơn vị.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi tiếp nhận hồ sơ ra văn bản chấp thuận gửi doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a)Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b)Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Văn bản chấp thuận.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

**10. Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô được lựa chọn đăng ký khai thác tuyến theo quy hoạch mạng lưới tuyến hoặc điều chỉnh tăng tần suất chạy xe theo nguyên tắc: giờ xe đăng ký xuất bến tại hai đầu bến không trùng giờ và đảm bảo thời gian giãn cách theo quy định với các chuyến xe của doanh nghiệp, hợp tác xã khác đang hoạt động hoặc đã đăng ký trước trong các trường hợp sau:

- Khi cơ quan có thẩm quyền công bố, điều chỉnh quy hoạch;

- Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng tần suất chạy xe.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:.............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI**

**HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải............

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:…………………................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:........... do …*(tên cơ quan cấp)*.... cấp ngày........./...../...........

5. Đăng ký..........(1)..................tuyến: Mã số tuyến:........................................

Nơi đi:..................................Nơi đến:................................(2)

Bến đi:................................ Bến đến:..................................

Cự ly vận chuyển:.................km

Hành trình chạy xe:..................................................................................

6. Công văn chấp thuận khai thác số:.........../..... do...... *(ghi tên cơ quan cấp)* …..cấp ngày.../...../.....(3)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi một trong các nội dung sau: đăng ký khai thác/ tăng tần suất chạy xe.

(2) Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe.

(3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:.................................................................................................................................

Tên tuyến:.............................đi.........................................và ngược lại.

Bến đi:...........................................................................................................................................

Bến đến:........................................................................................................................................

Cự ly vận chuyển:.........................km.

Hành trình:....................................................................................................................................

**II. Biểu đồ chạy xe:**

1. Số chuyến (nốt (tài))................trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:…………………………***

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày................................................................

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc...... giờ.....phút, vào các ngày................................................................

***b) Chiều về: xuất bến tại:………………………***

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày................................................................

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc...... giờ.....phút, vào các ngày................................................................

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:………………………..***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……………………………………………………………………..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

***b) Chiều về: xuất bến tại:………………***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**III. Đoàn phương tiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhãn hiệu xe** | **Năm sản xuất** | **Sức chứa** | **Tiêu chuẩn khí thải** | **Số lượng (chiếc)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | … | … | … | … | … |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

**IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Nốt (tài) 1 |  |  |  |
| 2 | Nốt (tài) 2 |  |  |  |
|  | .... |  |  |  |

**V. Giá vé và cước hành lý:**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:................... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.......):........................đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.......):.........................đồng/HK.

- Chặng..........................................................................................................................................

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.........................................kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:........................đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.........................................................................................................

b) Bán vé tại đại lý:....................... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:.............. (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe:…………….., sức chứa:…………, năm sản xuất

- Số lượng xe:……………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:.........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI  
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT...............

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....................................................................................

2. Địa chỉ:..........................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.......................................................................................

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi............ tỉnh đến.........; Bến đi........... Bến đến............. như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:................

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:** Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

**56. Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào** **và thời gian lưu hành** **tại Việt Nam cho phương tiện của Lào**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

 Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép và thời gian lưu hành cho phương tiện đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi phương tiện gặp sự cố.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện của Lào, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong Giấy phép liên vận Lào - Việt; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy phép liên vận Lào - Việt (bản chính);

- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi phương tiện gặp sự cố;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi phương tiện gặp sự cố;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

**-** Giấy phép liên vận Việt – Lào được gia hạn.

- Hiệu lực của Giấy phép: Được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn.

**8. Phí, lệ phí:** không thu

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:* | |
| Tên đơn vị/cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận của Lào | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  SOCIaLIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Company/Individual name applying for extension of Laos – Viet Nam Cross-border Transport Permit | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  Independence - Freedom – Happiness |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT**

**APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM**

**CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (*To*):....................................................................

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)…………………*

2. Địa chỉ: *(Address)* ……………………………………...........

3.Số điện thoại: *(Tel No.)*.......................... Số Fax: *(Fax No.):* ........................

Ngày cấp *(Date of issue) ………...*Cơ quan cấp *(Issuing Authority)…………………*

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải …… ………..gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of...............to extend the validity of Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.): …………………………………*

- Giấy phép liên vận Lào - Việt số: ………....Ngày cấp ……………. Nơi cấp: ………………………………………………………………………………….

Có giá trị đến: ……….......................................................................................

*Laos - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:…Date of issue.....Issuing Authority...Date of expiry………*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……. tháng …... năm …..

*Date of entry into Viet Nam: ... .... month ... ... year ................*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

*+* Gia hạn Giấy phép liên vận*: …....ngày, từ ngày …… tháng …… năm ……*

*đến ngày ..… tháng ..… năm ….…..*

*Extension for: …. ……...days, from date… ... month ..... year ... …to date ... ..month ... year .......*

*+* Gia hạn chuyến đi:………..ngày, từ ngày … tháng … năm …

đến ngày ….… tháng …..năm *………*

*Extension for Journey : ... ... ... …days, from date ... month ... year ...*

*to date ... ..month ... year ...*

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):……………………..…………*

……………………………………………………………………………..………………………….…………………………………………………………………………………………………

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ....., ngày (*date*)…….tháng *(month)*…….năm *(year)*….  Đại diện đơn vị (Representative of the Company)  *Ký tên/Signature*  *Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*  *(Driver, vehicle owner or authorized person).* |

**57. Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép và thời gian lưu hành đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi phương tiện gặp sự cố.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong sổ theo dõi hoạt động của phương tiện; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;

- Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện (bản chính);

- Sổ theo dõi hoạt động của phương tiện (bản chính);

- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở GTVT Bắc Ninh, nơi phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS gặp sự cố;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở GTVT Bắc Ninh, nơi phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS gặp sự cố;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện được gia hạn;

**8. Phí, lệ phí:** không thu

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17/11/2009 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT

- Phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp).

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17/11/2009 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng;

- Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT hướng dẫn một số điều Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng;

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:* | |
| Tên đơn vị, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  SOCIaLIST REPUBLIC OF VIET NAM |
| Company, individual applying for extension of GMS Transport Permit. | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  Independence - Freedom – Happiness |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ GMS**

**APPLICATION**

**FOR EXTENDING OF GMS ROAD TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (*To*):....................................................................

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)………………*

2. Địa chỉ: *(Address)* ……………………………………….……

3. Số điện thoại: *(Tel No.)*.......................... Số Fax: *(Fax No.):* ....................

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải …… …………..gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of...............to extend the validity of GMS Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.): …………………*

- Giấy phép vận tải đường bộ GMS số:…. Ngày cấp … Nơi cấp: …… Có giá trị đến: ………...

*GMS Road Transport Permit No.:…… (Date of issue).....(Issuing Authority)...Date of expiry………………………………….*

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……. tháng …... năm …..

*Date of entry into Viet Nam:date ... .... month ...... year ................*

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

*+* Gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS*: ….ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …*

*Extension for GMS Road Transport Permit: ………...days, from date…... month ..... year ...…to date .....month ... year .......*

*+* Gia hạn chuyến đi:………..ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng… năm *……..*

*Extension for Journey : ... ... ... …days, from date ... month ... year ... to date ... ..month ... year*

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):……………………..…………..*

……………………………………………………………………………..………………………….…………………………………………………………………………….

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending GMS Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the GMS provisions).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *....., ngày (date)…….tháng(month)…….năm (year)….*  **Đại diện đơn vị/ Cá nhân (Representative of the Company/Individual**)  *Ký tên/Signature*  *Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền (Driver, vehicle owner or authorized person).* |

**58. Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân nộp hồ sơ dự học tại cơ sở được phép bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đào tạo tiếp nhận hồ sơ, lập báo cáo kèm theo danh sách trích ngang gửi Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

- Cơ sở đào tạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật theo nội dung chương trình quy định; tổ chức kiểm tra và cấp chứng chỉ cho người đạt yêu cầu.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật. Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần

- Đơn đề nghị dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu;

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (bản photocopy);

- 03 ảnh mầu cỡ 2 x3, chụp không quá 6 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra..

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ sở đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ sở đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

**8. Phí và lệ phí :** Thông tư số 72/2011/TTLT-BTC-BTVT ngày 27/5/2011 liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ GTVT

**-** Mức thu học phí: 100.000 đồng /người/cho một khóa học.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; và

- Đủ 18 tuổi trở lên.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 72/2011/TTLT-BTC-BTVT ngày 27/5/2011 liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ GTVT hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ảnh 2x3 cm

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC**

**BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: …………………………

Tên tôi là:……………………………………………………………..……....

Sinh ngày:… ..tháng…….năm ………

Nơi cư trú:…………...............………………………………………………..

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu)…....…………………………….....

Ngày cấp:…………………………….....Nơi cấp:……………………………

Đề nghị cho tôi được dự học lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

*………….ngày…… tháng…….năm 20….*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(*Ký tên, ghi rõ họ và tên)*

*\* Xin gửi kèm theo:*

*- 03 ảnh màu cỡ 2x3 mới chụp không quá 6 tháng theo kiểu CMND;*

*- 01 bản photocopy giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.*

**59. Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân nộp hồ sơ tại cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (nếu cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đào tạo hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ và cấp chứng chỉ cho người có nhu cầu.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (bản photocopy);

- 03 ảnh mầu cỡ 2 x3, chụp không quá 6 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ sở đào tạo cấp lần đầu hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ sở đào tạo cấp chứng chỉ lần đầu/Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

**8. Phí và lệ phí:** Thông tư số 72/2011/TTLT-BTC-BTVT ngày 27/5/2011 liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ GTVT: 30.000đ/lần cấp.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Có tên trong hồ sơ lưu trữ.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 06/2011/TT - BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ GTVT quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 72/2011/TTLT-BTC-BTVT ngày 27/5/2011 liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ GTVT hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

*Mẫu:*

Ảnh 2x3 cm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ**

**BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: …………………………

Tên tôi là:……………………………………………………………..……....

Sinh ngày:… ..tháng…….năm ………

Nơi cư trú:…………...............………………………………………………..

Số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu)…....…………………………….....

Ngày cấp:…………………………….....Nơi cấp:……………………………

Hiện tôi đã có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về pháp luật giao thông đường bộ cho người điều kiển xe máy chuyên dùng do…………………………………

cấp, cấp đổi, cấp lại, số chứng chỉ……………..cấp ngày……………

Lý do xin đổi, cấp lại:……………………………..

Đề nghị ……………………….cho tôi được đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

*…………….ngày…… tháng…….năm 20….*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*

*\* Xin gửi kèm theo:*

*- 03 ảnh màu cỡ 2x3 mới chụp không quá 6 tháng theo kiểu CMND;*

*- 01 bản photocopy giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.*

**60. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng tại địa điểm đã thỏa thuận với chủ sở hữu. Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (1);

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng (2);

- Trường hợp chủ sở hữu mất một trong những giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng thì phải nộp thêm bản cam đoan theo mẫu (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:** Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2012 của Bộ Tài chính

Lệ phí cấp đăng ký, biển số lần đầu: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

Lệ phí cấp đăng ký không kèm biển số: 50.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:**

**-** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có giấy uỷ quyền của của sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Ghi chú:*

*(1)**Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:*

*- Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);*

*- Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ(bản chính hoặc bản sao có chứng thực);*

*- Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);*

*- Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu (bản chính);*

*- Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);*

*- Văn bản phát mại theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);*

*- Lệnh xuất hàng của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng gồm nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao có chứng thực.*

*Trường hợp mua bán hoặc cho, tặng qua nhiều người, khi làm thủ tục đăng ký, chỉ cần chứng từ mua bán, cho, tặng lần cuối cùng.*

*(2) Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:*

*- Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính;*

*- Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);*

*- Đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo, ngoài chứng từ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này phải có thêm biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có chứng từ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai xoá sổ đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này (các loại giấy tờ nêu trên là bản chính);*

*- Đối với xe máy chuyên dùng không có nguồn gốc hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý phải có quyết định xử lý theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).*

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:.......................

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………………………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:……….……

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........……………………..…

Địa chỉ thường trú:...……………………………...………………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:……………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...………………………

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản suất:…….……………….

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….……………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:………………………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….…………………………….......

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp………………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……………

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….……

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng……………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**61. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu. Trường hợp không cấp phiếu di chuyển phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Một trong các chứng từ xác định quyền chủ sở hữu xe máy chuyên dùng sau đây:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Trường hợp di chuyển không thay đổi chủ sở hữu, trong hồ sơ di chuyển không phải nộp chứng từ xác định quyền sở hữu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

**8. Phí và lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn:**

Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

**-** Người làm thủ tục di chuyển đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..………..............Số CMND hoặc hộ chiếu........

Ngày cấp:……………………………...............Nơi cấp...……...…………

Địa chỉ thường trú:……………………………....................................

Họ và tên đồng sở hữu (nếu có):……………………………………………

Địa chỉ thường trú:.............................................Số CMND hoặc hộ chiếu...........

Ngày cấp:……………………………………....Nơi cấp……………………

Hiện đã mua, được cho, tặng hoặc thừa kế chiếc xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:..……..............................Màu sơn…………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.……………………………Công suất ...……………

Nước sản xuất:.…………………………………… Năm sản xuất……………

Số động cơ:.………………………………………. Số khung…………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..…...………......Trọng lượng……………

Biển số đăng ký :………………Ngày cấp……………Cơ quan cấp............

Nơi cấp…………………………………………………………………………

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải........để được tiếp tục đăng ký.

….., ngày…..tháng…….năm……

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:**

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:……………

đến Sở Giao thông vận tải:.....................................

Ngày........tháng........năm...........

Cán bộ làm thủ tục Trưởng Phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ và tên) (ký, ghi rõ họ và tên) (ký tên, đóng dấu)

*\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản: - 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;*

*- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.*

**62. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần); viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng tại địa điểm đã thỏa thuận với chủ sở hữu. Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn theo mẫu (bản chính);

- Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam;

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:

+ Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính);hoặc

+ Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).Trường hợp không có chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng chủ sở hữu phải nộp thêm bản cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng quản lý phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng và biển số.

**8. Phí và lệ phí:** Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016

Lệ phí cấp đăng ký, biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**9. Tên mẫu đơn:**

**-** Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn;

- Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

**10. Yêu cầu thực hiện TTHC:** Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có Giấy uỷ quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ**

**XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN**

Tên chủ sở hữu:…………………….................................................................

Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số:..................................................

Ngày cấp:………………………..........Cơ quan cấp………………………

Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:.................................................

Trụ sở giao dịch:..…………………………...…………………….....

Loại xe máy chuyên dùng:...….........................Màu sơn………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):…………………..……Công suất …………………

Nước sản xuất:..………………………………Năm sản xuất…….………

Số động cơ:..………………………………….Số khung…….………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.…………..Trọng lượng……………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải …………..……xét cấp đăng ký, biển số có thời hạn cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

*…, ngày......tháng…… năm………*

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

**Biển số đề nghị cấp:** ……….………………

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:........................................

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….……………………………...

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn……………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….…

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng……

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:…………………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**63. Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.**

**1. Trình tự thực hiện**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Người lái xe hoặc đại diện cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc đến Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh nơi phương tiện gặp sự cố, phù hợp với phạm vi hoạt động của giấy phép vận tải.

- Việc Gia hạn chỉ áp dụng đối với phương tiện của Trung Quốc hết hạn giấy phép vận tải hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp...) được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh gia hạn giấy phép vận tải cho phương tiện; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy phép vận tải;

- Giấy đăng ký phương tiện (bản sao chụp);

- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:**

- 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy phép vận tải.

**8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không có

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép vận tải.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994, Nghị định thư về việc sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Hiệp định);

- Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về việc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Nghị định thư);

- Thỏa thuận giữa Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về xây dựng chế độ giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ký ngày 30 tháng 5 năm 2012;

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29/6/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải Transport Organization** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence-Freedom-Happiness** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI  
APPLICATION FORM TO EXTEND THE TRANSPORT PERMIT**

**Kính gửi:** Sở Giao thông vận tải..............  
**To:** Provincial Department of Transport...........

1. Người xin gia hạn (Full Name):

2. Địa chỉ (Address):

3. Số điện thoại (Tel): ………………………………số Fax (Fax)

4. Địa chỉ Email (Email):

5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....): ......... do (cơ quan) (issued by) ..........cấp ngày (dated) ………….

6. Thời gian hết hạn hoạt động tại Việt Nam (the expiry date in Viet Nam):

7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định)   
(Reason for extention: explain the reason why you can not come back your country in accordance with the regulation)

8. Đề nghị xin gia hạn giấy phép vận tải để khắc phục sự cố trong thời gian: (mấy ngày) ……….từ ngày ………đến ngày ……………..  
Proposal to extend the transport permit in order to resolve the problems from ………….to …………. (....days).

Trong thời gian được gia hạn tôi xin cam kết thực hiện nghiêm các nội dung quy định trong giấy phép vận tải.  
During the extension period, I undertook to implement the contents regulated in the transport permit.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …….., Ngày ……tháng….năm……. ….., Date……………….(dd/mm/yyyy) Người xin gia hạn (Organization, individual) (Ký, ghi rõ họ và tên) (Signed, entered full name) |

**64. Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi xây dựng: Đơn vị đầu tư, xây dựng trạm dừng nghỉ gửi văn bản đề nghị chấp thuận vị trí xây dựng đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam đối với trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ và UBND cấp tỉnh Bắc Ninh đối với các trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường địa phương (trừ các trạm dừng nghỉ được coi là một hạng mục công trình nằm trong dự án xây dựng đường cao tốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

- Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ) hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý).

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu;

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền;

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ;

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền;

- Biên bản nghiệm thu xây dựng;

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ;

- Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6.** **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác;

- Thời hạn của Quyết định: 03 năm.

**8.** **Phí, lệ phí:** Không có.

**9.** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ.

**10.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**11.** **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)……….. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ........ /.......... | *…….,ngày…..tháng ….. năm……* |

# GIẤY ĐỀ NGHỊ

# CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:.......................... (1)...............................

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.......................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.................................................................

3. Trụ sở: ......................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):...................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....................do....................cấp ngày .... ....tháng........ năm …..

Đề nghị kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ ……(3)………………… thuộc tỉnh:(4)......................... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3)......................................................................................................

- Địa chỉ:(5)..................................................................................................

- Tổng diện tích đất: (6)……………………………………………………

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật Quốc gia Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ….(1)….công bố đưa Trạm dừng nghỉ….(3)…. đạt loại:..........(7):........... và được đưa vào khai thác.

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*

*(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ*

*(4) Ghi tên tỉnh*

*(5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ*

*(6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ*

*(7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố.*

|  |  |
| --- | --- |
| *Mẫu:*  ………(2)……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..................., ngày tháng năm* |

# BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN

# VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ

Kính gửi:.......................... (1)...............................

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.................................................

2. Trụ sở:.................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ ……(3)……..như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Theo quy định kỹ thuật của TDN loại …(4)…** | **Theo thực tế** |
| 1 | Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu) | M2 |  |  |
| 2 | Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu) | M2 |  |  |
| 3 | Đường xe ra, vào |  |  |  |
| 4 | Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện |  |  |  |
| 5 | Trạm cấp nhiên liệu |  |  |  |
| 6 | Mặt sân khu vực bãi đỗ xe |  |  |  |
| 7 | Khu vệ sinh | M2 |  |  |
| 8 | Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe | M2 |  |  |
| 9 | Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi) | M2 |  |  |
| 10 | Nơi cung cấp thông tin |  |  |  |
| 11 | Khu phục vụ ăn uống, giải khát |  |  |  |
| 12 | Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa |  |  |  |

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*

*(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ*

*(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố*

**65. Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam đối với trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ) hoặc Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý).

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố tiếp tục đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh Bắc Ninh hoặc qua bưu chính. Địa chỉ: Số 11A, đường lý thái tổ, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu;

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);

- Báo cáo kết quả hoạt động theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4.** **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

**5.** **Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7.** **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.

**8**. **Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác;

- Báo cáo kết quả hoạt động.

**10.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

**11.** **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)……….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: ........ /.......... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..................., ngày tháng năm* |

# GIẤY ĐỀ NGHỊ

# TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:.......................... (1)...............................

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:…….(2):........................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):...........................................................

3. Trụ sở: ................................................................................................

4. Số điện thoại (Fax):..................................................................................

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số......... do....................cấp ngày .... ....tháng........ năm ...........

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ: ..(3)…. …theo quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác số…. ngày…. tháng…năm…của ….(1)….. thời gian được phép khai thác đến ngày… tháng…. năm…..

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật Quốc gia Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ….(1)….tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ…….(3)…. đạt loại: ......(4):....... vào khai thác.

….(2)…. cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu… | **Đại diện đơn vị**  (Ký tên, đóng dấu) |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*

*(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*(3) Ghi tên Trạm dừng nghỉ*

*(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố*

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| ………(2)…….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……./……. | *……….., ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kính gửi: ……….. (1) …………………..

………. (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3).... theo Quyết định số.... ngày.... tháng...năm... của ….. (1) ….. thời gian được phép khai thác từ ngày ….. tháng ….. năm ….. đến ngày... tháng.... năm ....

………. (2).... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

**I. Kết quả kinh doanh khai thác.**

1. Tổng số phương tiện vào trạm: ………………… (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: (lượt xe)

- Xe Khách trên 30 ghế: (lượt xe)

- Xe Khách dưới 30 ghế: (lượt xe)

- Xe tải: ……….. (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: ………………….. (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: ………. lượt xe và ………….. lượt khách vào trạm.

Trong đó có: ………. xe con; ………..xe khách trên 30 ghế; ………. xe khách dưới 30 ghế và .......... xe tải.

**II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:**

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

**III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:**

**IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):**

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

**V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):**

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

**VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến của Sở GTVT địa phương** (Ký tên, đóng dấu) | **Đại diện đơn vị khai thác trạm** (Ký tên, đóng dấu) |

***Hướng dẫn ghi:***

*(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*

*(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*

*(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ*

*(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố*

**66. Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư chịu trách nhiệm lập phương án tổ chức giao thông trình và gửi hồ sơ đề nghị phê duyệtphương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc đến cơ quan có thẩm quyền (Bộ Giao thông vận tải đối với đường cao tốc do Trung ương quản lý theo đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt phương án tổ chức giao thông do địa phương quản lý).

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản yêu cầu nhà đầu tư, chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức giao thông giao cơ quan quản lý đường cao tốc tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Sau khi có báo cáo thẩm định (của Tổng cục Đường bộ Việt Nam - đối với đường cao tốc do Bộ GTVT phê duyệt; Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh và ý kiến thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải - đối với đường cao tốc do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt), nếu đủ điều kiện, ra quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông trong thời hạn 03 ngày làm việc. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đề Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Địa chỉ: Số 10 đường Phù Đổng Thiên Vương, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình phê duyệt (bản chính) theo mẫu;

- Phương án tổ chức giao thông;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định đủ điều kiện phê duyệt.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức hoặc cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (đối với đường cao tốc do địa phương quản lý);

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Ủy ban nhân dân tỉnh, Bắc Ninh (đối với đường cao tốc do địa phương quản lý);

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ; Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT:

Phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc phải bao gồm các nội dung sau:

- Phương tiện được phép lưu thông trên đường cao tốc;

- Điều kiện sử dụng các làn đường cao tốc khi: Lưu thông bình thường; chuyển làn; quay đầu phương tiện trong trường hợp khẩn cấp; đi qua các trạm thu phí, trạm kiểm tra tải trọn xe; gặp sự cố, tai nạn và trong những trường hợp đặc biệt;

- Danh sách nút giao và các công trình đặc biệt;

- Tốc độ lưu hành cho phép và khoảng cách an toàn giữa các xe;

- Vị trí, thời gian và thời lượng chiếu sáng;

- Tên, vị trí, lý trình và điều kiện sử dụng các trạm dừng nghỉ, nơi dừng, nơi đỗ xe, trạm thu phí và trạm kiểm soát tải trọng xe;

- Quy định về cảnh báo an toàn giao thông khi thực hiện công việc quản lý, bảo trì;

- Số điện thoại khẩn cấp;

- Phương án cứu hộ, cứu nạn;

- Các thông tin được cung cấp thông qua hệ thống giao thông thông minh: Vị trí các vụ tai nạn, sự cố, sự kiện, điều kiện thời tiết, công trường thi công, địa điểm đang hạn chế điều kiện khai thác, các vi phạm quy tắc giao thông, tư vấn hành trình và các nội dung khác;

- Các thông tin khác: Hình thức, công nghệ thu phí; trạm kiểm tra tải trọng xe; tên và địa chỉ của các cơ quan, đơn vị liên quan đến quản lý, khai thác;

- Phương án tổ chức giao thông đặc biệt.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

-Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NHÀ ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------** |
| Số:……………………. | *Tên địa phương, ngày … tháng … năm ……* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông**

Kính gửi: *(Cấp có thẩm quyền)(1)*

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

*(Tên nhà đầu tư, chủ đầu tư)* trình *(Cấp có thẩm quyền)* phê duyệt Phương án tổ chức giao thông *(tên công trình đường cao tốc)* với các nội dung như sau:

**I. Thông tin chung về công trình:**

1. Tên công trình:

2. Địa điểm xây dựng:

3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình)

4. Cấp công trình:

5. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư và thông tin liên lạc (điện thoại, địa chỉ...):

6. Nguồn vốn đầu tư:

7. Ngày khởi công/ngày hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu):

8. Các thông tin khác có liên quan:

**II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:**

1. Hồ sơ phương án tổ chức giao thông;

2. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng;

3. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

*(Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư)* trình *(Cấp có thẩm quyền)* xem xét, phê duyệt Phương án tổ chức giao thông *(tên đường cao tốc)* với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: … | **ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**67. Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ:

Trước khi đưa công trình đường cao tốc vào khai thác, chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo, nâng cấp công trình đường cao tốc tổ chức lập và gửi hồ sơ đề nghị đưa công trình đường cao tốc vào khai thác đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết (Bộ Giao thông vận tải công bố đối với đường cao tốc do Trung ương quản lý; Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, đối với đường cao tốc do địa phương quản lý).

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải có văn bản yêu cầu nhà đầu tư, chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, ra quyết định công bố đưa công trình vào khai thác. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác tới Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Địa chỉ: Số 10 đường Phù Đổng Thiên Vương, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác theo;

- Báo cáo thẩm định an toàn giao thông (nếu thuộc dự án phải thẩm định an toàn giao thông);

- Phương án tổ chức giao thông được duyệt.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức hoặc cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (đối với đường cao tốc do địa phương quản lý);

b) Cơ quan có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (đối với đường cao tốc do địa phương quản lý);

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định công bố đưa công trình cao tốc vào khai thác.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ trình đề nghị công bố đưa đường cao tốc vào khai thác.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

- Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NHÀ ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------** |
| Số:……………… | *Tên địa phương, ngày … tháng … năm ……* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác**

Kính gửi: *(Cấp có thẩm quyền)(1)*

Căn cứ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

*(Tên nhà đầu tư, chủ đầu tư)* trình *(Cấp có thẩm quyền)* công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác với các nội dung như sau:

**I. Thông tin chung về công trình:**

1. Tên công trình:

2. Địa điểm xây dựng:

3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình)

4. Cấp công trình:

5. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư và thông tin liên lạc (điện thoại, địa chỉ...):

6. Nguồn vốn đầu tư:

7. Ngày khởi công/ngày hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu):

8. Các thông tin khác có liên quan:

**II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:**

1. Báo cáo thẩm định an toàn giao thông (nếu có);

2. Phương án tổ chức giao thông đã được phê duyệt;

3. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

*(Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư)* trình *(Cấp có thẩm quyền)* xem xét, chấp thuận đưa công trình *(tên đường cao tốc)* vào khai thác với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: … | **ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký tên, đóng dấu)* |